

Số: 1563/2020/QĐST-HNGĐ

*Gò Vấp, ngày 17 tháng 12 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1266/2020/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 196x; địa chỉ thường trú: Số eee chung cư Nguyễn Văn Lượng 2, đường Thống Nhất, Phường nn, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Số xxx/yy/zz đường Thống Nhất, Phường aa, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thị H, sinh năm 197x, địa chỉ: Số eee chung cư Nguyễn Văn Lượng 2, đường Thống Nhất, Phường nn, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Hôn nhân giữa Ông Nguyễn Anh T và Bà Lê Thị H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/KH ngày 30/9/2002 của Ủy ban nhân dân xã V T, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 22/9/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09/12/2020, Ông Nguyễn Anh T và Bà Lê Thị H thuận tình ly hôn; về con chung có hai con chung là Nguyễn Lê Thực Đ, sinh ngày 14/5/200x và Nguyễn Lê Thực Quyên, sinh ngày 14/5/200x, hai bên thỏa thuận Bà Lê Thị H là người trực tiếp,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Nguyễn Lê Thục Đ cho đến khi đủ 18 tuổi và Ông Nguyễn Anh T là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Nguyễn Lê Thục Q cho đến khi đủ 18 tuổi, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, Ông Nguyễn Anh T và Bà Lê Thị H đã thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận Ông Nguyễn Anh T và Bà Lê Thị H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/KH ngày 30/9/2002 của Ủy ban nhân dân xã V T, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị hết hiệu lực.

- Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Lê Thục Đ, sinh ngày 14/5/200x và Nguyễn Lê Thục Quyên, sinh ngày 14/5/200x.

Bà Lê Thị H là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Nguyễn Lê Thục Đ cho đến khi đủ 18 tuổi và Ông Nguyễn Anh T là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Nguyễn Lê Thục Q cho đến khi đủ 18 tuổi, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Ông Nguyễn Anh T và Bà Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Anh T và Bà Lê Thị H phải chịu lệ phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được căn trừ vào số tiền tạm nộp lệ phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số: AA/2019/0027118 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp, TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Nhung**